

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HS - ST

Ngày 26 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Kiên, Bà Lò Thị B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2025/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2025/HSST-QĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn M – Sinh năm 2003 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản P, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lò Văn T1 và bà Tòng Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ 24/12/2024, chuyển tạm giam từ ngày 03/01/2025 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Văn T – Sinh năm 2002 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản P, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lò Văn T5 và bà Quàng Thị Ban; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ 24/12/2024, chuyển tạm giam từ ngày 03/01/2025 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Giàng Văn B – Sinh ngày 28/10/2006 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản P2, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Giàng

A L1 (đã chết) và bà Sùng Thị L2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ 02/01/2025, chuyển tạm giam từ ngày 05/01/2025 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lò Văn T4, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản P, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Lò Văn T5, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Bản P, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 00 phút, ngày 24/12/2024 tổ công tác Công an xã H, huyện S, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại bản P2, xã H phát hiện Lò Văn M, Lò Văn D3, Lò Văn T đang đi bộ trên đường, qua kiểm tra đã thu giữ được một gói nilon màu đen bên trong chứa 10 viên nén màu hồng ở lòng bàn tay trái của T (M và T cùng khai nhận là Hồng phiến), D3 là người đi cùng nhưng không biết việc M với T cất giấu ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng nghi là Hồng phiến, ngoài ra tạm giữ của T 01 xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 353.60; tạm giữ của M 01 xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 241.28.

Ngày 02/01/2025 Giàng Văn B đến Công an xã H, huyện S để đầu thú và khai nhận hành vi mua ma túy giúp cho Lò Văn M, Lò Văn T.

Ngày 25/12/2024 tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã, Hội đồng bóc mở niêm phong đã tiến hành cân tịnh, xác định khối lượng và trích mẫu giám định, kết quả: 10 viên nén màu hồng có khối lượng là 0,93 gam đã trích 05 viên có khối lượng là 0,46 gam để làm mẫu gửi giám định ký hiệu M, vật chứng còn lại là 05 viên ký hiệu L.

Tại bản kết luận giám định số 131/KL ngày 27/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận:

- Mẫu ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,46 gam.

- Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,93 gam; loại Methamphetamine”.

Quá trình điều tra các bị cáo Lò Văn M, Lò Văn T, Giàng Văn B và đối tượng Lò Văn D3 khai nhận: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 24/12/2024 sau khi M với D3 và T cùng nhau uống bia xong tại bản P, xã H, thì M rủ D3 với T cùng đi tìm mua ma túy về sử dụng thì D3 với T đồng ý. Sau đó, M đem theo số tiền

360.000 đồng điều khiển xe mô tô chở theo D3, còn T tự điều khiển xe mô tô rồi cùng nhau đi lên bản P2, xã H để tìm mua ma túy. Khi lên đến bản P2, M với T cùng đi vào nhà của Giàng Văn B, M với T tiến lại gần phía B, còn D3 ngồi xem điện thoại cách đó khoảng 05m. M hỏi mua ma túy của B, nhưng B nói không có nên T nhờ B đi mua ma túy giúp thì B đồng ý, nghe vậy M lấy ra số tiền 360.000 đồng và đưa cho B 260.000 đồng để mua ma túy. T nhìn thấy vậy thì nói với M cứ đưa toàn bộ số tiền đem theo, coi như T góp 100.000 đồng, khi về nhà sẽ trả lại tiền cho M thì M đồng ý và đưa toàn bộ số tiền cho B. B cầm lấy tiền rồi đi bộ đến cuối bản thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông (không rõ danh tính, thường hay thấy đi lang thang trong bản), B hỏi mua được một gói Hồng phiến, gói bằng mảnh nilon màu đen (B không mở ra kiểm tra số lượng) với số tiền 360.000 đồng từ người đàn ông này. Mua được ma túy B đem về đưa cho T, sau đó T với M xin sử dụng ma túy ngay tại nhà B nhưng B không sử dụng ma túy nên không đồng ý và đã dẫn T với M ra trái nhà và chỉ lên khu vực nương của người dân trong bản nói trên đó có nhiều chỗ sử dụng ma túy (ý là để T với M lên đó tự tìm chỗ mà sử dụng). T với M ra chỗ xe mô tô, thấy vậy D3 cũng đi theo rồi cả ba người cùng đi lên cách nhà B khoảng 400m thấy có một lán nương bỏ hoang nên đã dừng xe lại và cùng đi vào lán nương. Khi vào đến cửa lán D3 phát hiện không thấy điện thoại nên bảo với M và T là bị rơi mất điện thoại, đồng thời quay lại tìm điện thoại. Tại lán, M và T thấy có tẩu, bật lửa và giấy bạc có sẵn trên nền nhà nên T bỏ gói ma túy ra nền lán, mở ra và lấy một viên để M với T cùng nhau sử dụng. Sử dụng xong viên đầu tiên T tiếp tục lấy ra 04 viên ra để cùng M sử dụng hết (quá trình sử dụng ma túy M và T tự đốt, hít vào cơ thể). Sau khi sử dụng ma túy xong T kiểm tra thấy còn 10 viên Hồng phiến nên gói lại bằng mảnh nilon ban đầu rồi cầm ở lòng bàn tay ra ngoài điều khiển xe mô tô cùng M đi về. Khi T với M quay về thấy D3 vẫn đang tìm điện thoại dọc đường nên M với T dừng xe lại và đi ra cùng D3 tìm điện thoại, khi đang tìm điện thoại thì bị tổ công tác Công an xã H, huyện S làm nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang, thu giữ vật chứng, tài sản như đã nêu.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSSM ngày 11 tháng 3 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lò Văn M, Lò Văn T, Giàng Văn B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lò Văn M, Lò Văn T, Giàng Văn B phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn M từ 02 năm 02 tháng - 02 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Lò Văn T 02 năm - 02 năm 04 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo xử phạt bị cáo Giàng Văn B từ 02 năm - 02 năm 04 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi trừ đi mẫu gửi giám định. Chấp nhận việc CQCSĐT đã trả lại 02 xe mô tô cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại phiên tòa như sau:

- Ông Lò Văn T4: Ông là bố của bị cáo M, chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 241.28 là tài sản của gia đình ông. Khi bị cáo M sử dụng xe đi mua ma túy để sử dụng gia đình không ai hay biết, ông đã được CQCSĐT Công an huyện Sông Mã trả lại xe, ông nhất trí và không có ý kiến gì.

- Ông Lò Văn T5: Ông là bố của bị cáo T, chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 353.60 là tài sản của gia đình ông. Khi bị cáo T sử dụng xe đi mua ma túy để sử dụng gia đình không ai hay biết, ông đã được CQCSĐT Công an huyện Sông Mã trả lại xe, ông nhất trí và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với nội dung bản cáo trạng truy tố, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo M, T nhất trí với ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 17 giờ 10 phút, ngày 24/12/2024 đối với Lò Văn M, Lò Văn T cùng vật chứng là gói nilon chứa 10

viên nén màu hồng; Kết luận giám định số 131/KL ngày 27/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận là ma túy: “... *Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,93 gam; loại Methamphetamine*”.

- Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 02/01/2025 đối với Giàng Văn B.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo về thời gian địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không có thay đổi, bổ sung gì về lời khai làm thay đổi nội dung vụ án và khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/12/2024 bị cáo Lò Văn M, Lò Văn T đã có hành vi cùng nhau góp tiền nhờ bị cáo Giàng Văn B đi mua giúp được 15 viên hồng phiến. Sau khi B mua được ma túy thì M và T đã tự sử dụng hết 05 viên, còn 10 viên có tổng khối lượng 0,93 gam đang tàng trữ để sử dụng dần thì phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Lò Văn M, Lò Văn T, Giàng Văn B đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm tù, thuộc trường hợp nghiêm trọng

Như vậy, nội dung Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo B khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn M, Lò Văn T đã khai ra đồng phạm khác là bị cáo Giàng Văn B giúp cơ quan điều tra phát hiện thêm tội phạm khác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Giàng Văn B đã tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền để đầu thú về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Là vụ án có đồng phạm. Trong đó, bị cáo M là người khởi sự việc đi mua ma túy về sử dụng và là người bỏ tiền ra trước để mua ma túy nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo T là người đi cùng bị cáo M, hứa góp một phần tiền, đồng thời cùng M trực tiếp trao đổi với B nhờ đi mua ma túy hộ và là người cất giấu số ma túy còn lại để sử dụng tiếp. Bị cáo B sau khi được bị cáo M và T nhờ đã đi mua được ma túy đem về cho các bị cáo M, T sử dụng, nên bị cáo T và B giữ

vai trò đồng phạm giúp sức tích cực và xác định có vai trò ngang nhau trọng vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Vì vậy, đối với mỗi bị cáo cần phải đưa ra một mức án phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội trên cơ sở cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm về nhân thân, vai trò để đưa ra một mức án phù hợp nhất, nhằm giáo dục bị cáo B người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và cũng đảm bảo biện pháp răn đe, phòng ngừa chung, góp phần thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng vụ án: Số ma túy là vật nhà nước cấm tàng trữ lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[7] Các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Đối với người đàn ông bị cáo Giàng Văn B khai là người đã bán ma túy cho bị cáo; bị cáo B khai không rõ danh tính của người này, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không còn căn cứ nào khác để xác minh, làm rõ nên không có căn cứ mở rộng điều tra vụ án là đúng.

Đối với chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 241.28 xác định là tài sản hợp pháp của gia đình ông Lò Văn T4 đã mua lại xe máy cũ nhưng không làm thủ tục sang tên và chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 353.60 xác định là tài sản hợp pháp của gia đình ông Lò Văn T5. Việc bị cáo M và T điều khiển xe mô tô đi mua ma túy thì ông Lò Văn T4 và Lò Văn T5 đều không biết nên ngày 26/02/2025 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã trao trả lại hai chiếc xe cho chủ sở hữu là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Đối với Lò Văn D3 là người được M rủ đi mua ma túy cùng để được sử dụng ma túy cùng các bị cáo Lò Văn M, Lò Văn T. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra xác định D3 không đóng góp tiền, không tham gia vào quá trình trao đổi mua ma túy, không sử dụng ma túy cùng M, T; đồng thời không biết việc M và T đang cất giấu 10 viên Hồng phiến đem về để sử dụng, kết quả xét nghiệm D3 âm tính với các chất ma túy. Do đó, Lò Văn D3 không đồng phạm với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy với các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo Lò Văn M, Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn M 02 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù đối với bị cáo tính từ ngày 24/12/2024.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 02 năm tù. Thời hạn tù đối với bị cáo tính từ ngày 24/12/2024.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Giàng Văn B phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Xử phạt bị cáo Giàng Văn B 02 năm tù. Thời hạn tù đối với bị cáo tính từ ngày 02/01/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 0,47 gam Methamphetamine được đựng trong 01 túi nilon. Tất cả được đựng trong 01 phong bì đã dán kín, niêm phong đúng quy định, mặt sau phong bì trên giấy niêm phong có mã số 0005375.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 39/QĐ – VKS ngày 27/02/2025 của VKSND huyện Sông Mã và theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/02/2025 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

Chấp nhận việc CQCSĐT đã trả lại xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 241.28 cho ông Lò Văn T4 và trả lại xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 - 353.60 cho ông Lò Văn T5.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2025)./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Công an Tỉnh (phòng PV06);
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Hoàng Thị Nhung

B viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Nhung

